

Số: 84/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 56/2026/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: chị **Trần Hải Y**, sinh năm 2000; Nơi thường trú: thôn C, xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Căn cước công dân số 022300006727 do Bộ C cấp ngày 06/02/2025.

- Bị đơn: anh **Nguyễn Chung T**, sinh năm 1998; Nơi thường trú: C, xã Q, tỉnh Quảng Ninh; Căn cước công dân số 022098006036 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/4/2021.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Trần Hải Y và bị đơn anh Nguyễn Chung T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Hải Y và anh Nguyễn Chung T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Trần Hải Y và anh Nguyễn Chung T có 01 con chung là Nguyễn Hải B, sinh ngày 12/01/2024. Chị Trần Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Hải B cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Chung T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai

được phép cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Hải Y và anh Nguyễn Chung T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về tài sản chung và nợ chung*: chị Trần Hải Y và anh Nguyễn Chung T thống nhất không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: chị Trần Hải Y tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Trần Hải Y đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000918 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Trả lại chị Trần Hải Y 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 6 – Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 6 – Quảng Ninh;
- UBND xã Quảng Hà, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Minh Chiến